TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/KDTM-PT
Ngày 21/7/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
phân phối hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Huỳnh Thị Bích vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chúc - Kiểm sát viên**.**

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/KDTM-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp "*Hợp đồng phân phối hàng hóa* ". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 18/2019/KDTM-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H

Địa chỉ: đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Vũ Thanh T

Địa chỉ: T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A

Địa chỉ: Ngã Tư đường H, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/5/2018, Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H (*gọi tắt Công ty H*) có ký Hợp đồng phân phối hàng hóa số: 02/APHBUSINESS –

NPP05/2018 với Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A (*gọi tắt Công ty A*). Theo Hợp đồng, phía nguyên đơn sẽ là tổng thầu phân phối các sản phẩm bánh kẹo của Công ty A đến địa bàn các tỉnh Miền tây Nam Bộ. Trách nhiệm của Công ty A sẽ tìm kiếm nhà phân phối cấp dưới và triển khai hệ thống nhân sự bán hàng các sản phẩm của mình tại địa bàn các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Căn cứ trách nhiệm của Hợp đồng phân phối thì nguyên đơn chỉ là trung gian phân phối hàng hóa hưởng huê hồng 7% trên tổng số lượng nhập hàng trong hệ thống của Công ty A. Phía Công ty H luôn chuyển tiền trước và nhập hàng dự trữ tại kho đồng thời giao dịch với các nhà phân phối theo chỉ định của Công ty A.

Do tin tưởng vào việc triển khai nhân sự kinh doanh cho các sản phẩm này từ phía Công ty A nên Công ty H đã nhập một lượng rất lớn hàng hóa từ phía bị đơn (lên đến gần cả tỷ đồng). Việc triển khai sản phẩm ra thị trường lúc ban đầu vẫn thuận lợi, tuy nhiên sau một thời gian thì toàn bộ chương trình của Công ty A đều ngưng trệ và để mặc hàng hóa tồn tại kho của nguyên đơn. Trước tình hình đó, Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty A nhanh chóng triển khai các chương trình và chi phí nhân sự cần thiết để giải phóng hàng tồn nhưng không nhận được câu trả lời thỏa đáng. Để giảm bớt thiệt hại, Công ty H đã gửi văn bản đề nghị thanh lý hợp đồng trước hạn theo mục 7.4 Điều 7 Hợp đồng phân phối hàng hóa số: 02/APHBUSINESS – NPP05/2018 qua đường bưu điện và thư điện tử nhưng vẫn không nhận được phản hồi từ phía bị đơn và để mặc hậu quả xảy ra.

Vì vậy, phía Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án các nội dung như sau:

+ Buộc Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H toàn bộ số tiền 276.854.433 đồng và lãi suất theo quy định cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

+ Buộc Công ty A phải nhận lại toàn bộ hàng còn tồn tại kho của Công ty H tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Đồng thời, buộc Công ty A phải thanh toán tiền thuê kho 5.000.000 đồng/tháng từ thời điểm 23/9/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn không thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn, cụ thể:

+ Yêu cầu buộc Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H toàn bộ số tiền 276.854.433 đồng và lãi suất theo quy định cho đến khi giải quyết xong vụ kiện là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc phân phối hàng hóa chậm là do năng lực yếu kém của chính Công ty H. Công ty A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng phân phối Hàng hóa đã ký kết ngày 01/5/2018 như: Hỗ trợ trực tiếp cho Nhà phân phối, hệ thống quản lý, nhân viên bán hàng nhưng chính Công ty H đã từ chối hợp tác với Công ty A trong nỗ lực đưa hàng hóa ra thị trường. Ngoài ra, Công ty A còn tiến hành nhờ tổng thầu mới ghép hàng của Công ty H đưa ra thị trường. Bên cạnh đó, ông Phan Phụng Việt (đại diện theo pháp luật của Công ty H) còn tự ý đưa thông tin xấu về Công ty A cho toàn bộ các nhà phân phối trong khu vực khiến các nhà phân phối không chịu nhập hàng của Công ty A.

Như vậy, trong trường hợp này Công ty H phải chịu trách nhiệm về số hàng hóa còn tồn.

+ Đối với yêu cầu buộc Công ty A phải nhận lại toàn bộ hàng còn tồn tại kho của Công ty H tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ là không đúng. Bởi lẽ, phía bị đơn đã cố gắng hỗ trợ việc giải quyết hàng tồn nhưng do phía Công ty H không hợp tác nên toàn bộ lỗi thuộc về nguyên đơn.

+ Đối với yêu cầu buộc Công ty A phải thanh toán tiền thuê kho 5.000.000 đồng/tháng từ thời điểm 23/9/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện là không đúng theo Hợp đồng các bên đã ký kết. Vì theo thỏa thuận Công ty A chỉ thu hồi hàng khi lượng hàng trả lại của Công ty H được chuyển đến tận kho của Công ty A. Bên Công ty A sẽ thanh toán tiền hàng cho Công ty H trong 30 ngày làm việc sau khi nhận được hàng trả lại và hóa đơn của lô hàng trả lại.

Như vậy, Công ty H không trả hàng tức đã từ bỏ quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Do đó, Công ty A không thể thanh toán tiền thuê kho cho số lượng hàng hóa của Công ty H.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H toàn bộ số tiền **276.854.433 đồng** và lãi suất chậm trả 09%/năm đến ngày xét xử là **22.840.000 đồng**. Đồng thời, buộc Công ty A phải thanh toán tiền thuê kho 5.000.000 đồng/tháng từ thời điểm 23/9/2018 cho đến ngày xét xử là:

5.000.000đồng/tháng x 11 tháng = **55.000.000 đồng**.

Tổng số tiền yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho Công ty H với số tiền là: 276.854.433 + 22.840.000 + 55.000.000 = **354.694.433** đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 18/2019/KDTM-ST ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H.

Buộc Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A phải có nghĩa vụ thanh toán cho đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H số tiền **138.427.216** đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm mười sáu đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Kháng cáo của nguyên đơn là không phù hợp bởi lẽ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty A có nghĩa vụ hỗ trợ và phát triển mọi hoạt động kinh doanh cho công ty H. Tuy nhiên, trong quá trình kinh doanh Công ty A không đủ định hướng, kế hoạch đưa hàng ra thị trường dẫn đến bán hàng kém hiệu quả nên trong trường hợp này có một phần lỗi của Công ty A. Đối với Công ty H thì sau khi có yêu cầu chấm dứt hợp đồng nhưng không mang hàng hóa trả lại cho công ty A theo thỏa thuận trong hợp đồng, để hàng tồn kho rồi yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí thuê kho, lãi suất chậm thanh toán là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn - Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H (gọi tắt là Công ty H) khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A (gọi tắt là Công ty A) phải bồi thường thiệt hại do vi phạm phạm hợp đồng các bên đã ký kết. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa là có căn cứ đúng pháp luật.

[1] Về thủ tục: Bị đơn Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử ngày 17/6 và 21/7/2020 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy;

Sau khi hợp đồng số 02/APH BUSINESS-NPP 05/2018 ngày 01/5/2018 được ký kết và trong quá trình thực hiện thì việc kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Trách nhiệm hỗ trợ và phát triển hoạt kinh doanh cho công ty H là trách nhiệm của công ty A đã được ghi nhận trong hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên, công ty A không thể tìm ra phương pháp hỗ trợ cũng như không giải quyết được khó khăn dẫn đến quá trình kinh doanh bị ảnh hưởng, điều này được thể hiện tại nội dung trao đổi thông tin qua thư điện tử giữa ông Lê Thanh Giang người của Công An Phú Hưng và ông Phan Phụng Việt bên phía Công ty H, theo đó ông Giang nhờ ông Việt hỗ trợ đẩy hàng ra do nhân lực phía nguyên đơn không còn nhiều, đã nghĩ việc. Với tình tiết nêu trên cho thấy quá trình kinh doanh bị ảnh hưởng là có lỗi của công ty A như cấp sơ thẩm nhận định là có cơ sở.

Tuy nhiên, ngoài lỗi của Công ty A xét thấy cũng có lỗi của Công ty H với các căn cứ như sau:

Theo nội dung hợp đồng tại mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng số 02 thể hiện công ty H cũng có trách nhiệm đối với việc xúc tiến kinh doanh, phân phối hàng hóa đạt hiệu quả nên khi quá trình kinh doanh không thuận lợi thì không thể lỗi hoàn toàn

cho nguyên đơn. Do đó công ty H cho rằng thiệt xảy ra hoàn toàn do lỗi của công ty A trong trường hợp này là không đúng vì bản thân công ty H cũng có trách nhiệm, có lỗi.

Khi nhận thấy tình hình phân phối hàng hóa gặp nhiều khó khăn và cho rằng nguyên đơn thiếu trách nhiệm theo thỏa thuận, Công ty H đã gửi văn bản, thông báo chấm dứt hợp đồng trước hạn đến Công ty A. Đáng lẽ sau đó Công ty H phải có biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại, rủi rõ bằng cách là chuyển toàn bộ hàng hóa trả lại cho công ty A như đã thỏa thuận theo hợp đồng thay vì tiếp tục để hàng tồn kho và đến nay tổng thiệt hại do lượng hàng tồn kho được thẩm định là 276.854.433 đồng cũng là lỗi của công ty H và xét thấy lỗi của công ty H trong trường hợp này có phần nhiều hơn so công ty A.

Cấp sơ thẩm nhận định các bên đều có lỗi nên mỗi bên phải chịu ½ và tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 138.427.216 đồng là đã có lợi cho nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét yêu cầu số tiền lãi và tiền thuê kho của nguyên đơn. Kháng cáo nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phần quyết định của bản án, cấp sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 là chưa phù hợp vì đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại nên cần phải điều chỉnh theo mức lãi quá hạn trung bình trên thị trường cho phù hợp mà không cần tuyên sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền 354.694.433 đồng, nhưng chỉ được chấp nhận một phần với số tiền 138.427.216 đồng nên nguyên đơn phải chịu số tiền án phí trên số tiền không được chấp nhận 216.267.217 đồng. Cấp sơ thẩm buộc các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H.

Buộc Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A phải có nghĩa vụ thanh toán cho đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H số tiền 138.427.216 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm mười sáu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A chậm thi

hành thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về chi phí thẩm định tại chỗ:

Các đương sự, mỗi bên chịu 900.000 đồng, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán lại số tiền này cho nguyên đơn.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp A phải nộp 6.921.000 đồng (*Sáu triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng*). Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H phải chịu 10.813.000 đồng (*Mười triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng*), được khấu trừ 7.171.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000648 ngày 30/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 3.641.500 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Phân phối H phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 001809 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPC
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS. Q. Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trí Dũng